## XI. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

**3. Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã - 1.011471**

***(1)* Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nộp hồ sơ

Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn được giao nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là cơ quan có thẩm quyền) để phê duyệt phương án khai thác chính, khai thác tận dụng, khai thác tận thu đối với các trường hợp sau:

- Khai thác tận dụng, khai thác tận thu gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên;

- Khai thác chính, khai thác tận dụng, khai thác tận thu rừng trồng do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu;

- Khai thác chính, khai thác tận dụng, khai thác tận thu rừng phòng hộ là rừng trồng do tổ chức tự đầu tư hoặc được Nhà nước hỗ trợ;

- Khai thác tận dụng, khai thác tận thu thực vật rừng ngoài gỗ từ rừng đặc dụng là rừng tự nhiên;

- Khai thác, thu thập mẫu vật theo nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ từ rừng đặc dụng.

Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử thực hiện theo quy định pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hồ sơ và trả lời ngay tính hợp lệ của thành phần hồ sơ đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử; trường hợp hồ sơ chưa đủ thành phần theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Phê duyệt phương án khai thác và trả kết quả

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt phương án khai thác theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT và trả kết quả cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ.

Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác thông báo cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ về việc xác minh. Trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***(2) Địa điểm thực hiện***

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến (dichvucong.gov.vn).

***(3) Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử

***(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:***

***\* Thành phần hồ sơ bao gồm:***

\* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đề nghị phê duyệt phương án khai thác theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

- Bản chính Phương án khai thác theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

- Bản sao một trong các tài liệu sau đối với trường hợp khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ:

+ Đối với khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trên diện tích rừng được sử dụng để xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng: quyết định phê duyệt và hồ sơ dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ, phát triển rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trên diện tích tạm sử dụng rừng để thi công các công trình tạm phục vụ thi công dự án: quyết định phê duyệt và phương án tạm sử dụng rừng để thi công công trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện biện pháp lâm sinh: quyết định phê duyệt dự án lâm sinh hoặc tài liệu chứng minh việc thực hiện các biện pháp lâm sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trên diện tích rừng trồng thanh lý: quyết định thanh lý kèm theo phương án thanh lý rừng trồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao theo quy định pháp luật về điện lực: Biên bản kiểm tra hiện trường cây rừng chặt, tỉa, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

+ Đối với khai thác phục vụ nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; rừng sản xuất do nhà nước đại diện chủ sở hữu; thu thập mẫu vật trong rừng đặc dụng: quyết định phê duyệt kèm theo tài liệu dự án, nhiệm vụ, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học của cấp có thẩm quyền.

- ***Số lượng hồ sơ:* 01 bộ**.

***(5) Thời hạn giải quyết***:

- Trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

***(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn.

***(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã

***(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* :**Quyết định phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

***(9) Lệ phí, phí (nếu có):*** không

***(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Đề nghị phê duyệt phương án khai thác theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

- Phương án khai thác theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

***(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không**

***(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

Điều 6 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

**(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:**

- Bản chính Đề nghị phê duyệt phương án khai thác theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

- Bản chính Phương án khai thác theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

- Bản sao một trong các tài liệu sau đối với trường hợp khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ:

+ Đối với khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trên diện tích rừng được sử dụng để xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng: quyết định phê duyệt và hồ sơ dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ, phát triển rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trên diện tích tạm sử dụng rừng để thi công các công trình tạm phục vụ thi công dự án: quyết định phê duyệt và phương án tạm sử dụng rừng để thi công công trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện biện pháp lâm sinh: quyết định phê duyệt dự án lâm sinh hoặc tài liệu chứng minh việc thực hiện các biện pháp lâm sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trên diện tích rừng trồng thanh lý: quyết định thanh lý kèm theo phương án thanh lý rừng trồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao theo quy định pháp luật về điện lực: Biên bản kiểm tra hiện trường cây rừng chặt, tỉa, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

+ Đối với khai thác phục vụ nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; rừng sản xuất do nhà nước đại diện chủ sở hữu; thu thập mẫu vật trong rừng đặc dụng: quyết định phê duyệt kèm theo tài liệu dự án, nhiệm vụ, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học của cấp có thẩm quyền.

**(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:** Quyết định phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ

**Kèm theo Mẫu đơn/Tờ khai của TTHC**

**Mẫu số 08: Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường (áp dụng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC(\*)**

 ’ (1)

1. **THÔNG TIN CHUNG**
2. Tên chủ rừng(2):
3. CCCD/HC (3):
4. Địa chỉ chủ rừng (4):
5. Số điện thoại:
6. Thông tin về mã số vùng trồng, hoặc chứng chỉ quản lý rừng bền vững

(nếu có) (5):

**II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN**

1. Căn cứ xây dựng phương án (6):
2. Đối tượng khai thác (loại rừng, rừng trồng, rừng tự nhiên) (7):
3. Địa danh, diện tích khai thác(8):
4. Phương thức khai thác (9):
5. Sản lượng dự kiến khai thác (10): gỗ … m3; củi hoặc sản phẩm khác.... kg hoặc ster. Thực vật rừng ngoài gỗ: …tấn; hoặc cây (nếu xác định được).
6. Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác (11):
7. Thời gian dự kiến khai thác: từ ngày tháng năm đến

ngày tháng năm....

 , *ngày.... tháng. năm*

**CHỦ RỪNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

(\*) Mẫu này do chủ rừng, chủ lâm sản là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư (viết tắt là chủ rừng) sử dụng khi lập Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường.

1. **THÔNG TIN CHỦ RỪNG**
2. Ghi trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 7 Điều 6 Thông tư này.
3. Ghi họ tên đầy đủ của chủ rừng.
4. Ghi Số căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ rừng hoặc đại diện hộ gia đình, cộng đồng dân cư.
5. Ghi rõ địa chỉ của chủ rừng.
6. Ghi mã số vùng trồng, ngày cấp hoặc số giấy chứng nhận của chứng chỉ quản lý rừng bền vững, tên tổ chức cấp (nếu có).
7. **NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN**
8. Ghi thông tin các văn bản quy phạm pháp luật chính và các tài liệu pháp lý liên quan.
9. Ghi đối tượng khai thác quy định tại khoản 2 hoặc khoản 7 Điều 6 Thông tư này: đối với khai thác rừng trồng ghi loài cây trồng, năm trồng.
10. Ghi các thông tin sau: (i) Địa danh khu vực khai thác (lô, khoảnh, tiểu khu, xã); (ii) Thông tin tọa độ điểm (kinh độ, vĩ độ) tại vị trí giữa lô khai thác đối với lô rừng nhỏ hơn 04 ha hoặc thông tin tọa độ tối thiểu tại 04 đỉnh đa giác (kinh độ và vĩ độ) đối với lô khai thác lớn hơn hoặc bằng 04 ha trên hệ tọa độ VN 2000 hoặc hệ tọa độ WGS84 định dạng \*.GeoJSON.

Thống kê diện tích khai thác theo từng lô khai thác, khoảnh, tiểu khu, xã.

1. Ghi phương thức khai thác: Khai thác chọn, khai thác trắng toàn bộ, khai thác trắng theo băng, khai thác trắng theo đám.
2. Sản lượng dự kiến khai thác:
* Đối với khai thác tận thu gỗ thống kê số lóng, khúc gỗ tận thu, đo đếm ước tính khối lượng dự kiến khai thác (m3); đối với khai thác thực vật rừng ngoài gỗ thống kê ghi khối lượng khai thác (tấn, kg) hoặc số lượng cây đối với cây họ tre, nứa.
* Đối với khai thác chính, khai thác tận dụng gỗ, việc xác định sản lượng dự kiến khai thác thông qua việc đo đếm trực tiếp cây khai thác hoặc thông qua lập ô tiêu chuẩn điển hình hoặc tùy điều kiện thực tế tại địa phương để ước tính sản lượng gỗ khai thác.

Đơn vị tính sản lượng khai thác là: kg, m3, ster hoặc số lượng mẫu vật.

1. Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác: Nêu rõ các giải pháp thực hiện như: vệ sinh rừng, trồng lại rừng.

**Mẫu số 09: Đề nghị phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/động vật rừng thông thường từ tự nhiên/thu thập mẫu vật loài thông thường**

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN(1)** ........... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:…/ … | *...., ngày .... tháng .... năm ....* |

**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN (\*)**

(2) …………………………

Kính gửi(3): ……………………………………………………

**1. Thông tin chủ rừng:**

a) Tên chủ rừng(4): ………………………………………………………………..

- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC(5): …………………………

c) Địa chỉ chủ rừng(6): …………………………………………………………….

d) Số điện thoại:…………………; địa chỉ email: ……………………………..…

**2. Nội dung đề nghị phê duyệt:** Phương án khai thác(2)

……………………………………………………………………………….……

**3. Tài liệu gửi kèm:**

*- Bản chính Phương án*(2)  *……………………………………………………………..…*

*- Tài liệu khác (nếu có) …………………………………………………………….…….*

*………, ngày … tháng … năm ………*

**CHỦ RỪNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)*

***Ghi chú:***

(\*) Mẫu này do chủ rừng, chủ lâm sản, chủ dự án hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao (viết tắt là chủ rừng) lập khi đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/động vật rừng thông thường từ tự nhiên/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường.

(1) Tên chủ rừng, số văn bản nếu là tổ chức.

(2) Ghi trường một trong các trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 6 hoặc khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

(3) Ghi rõ tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

(4) Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) đối với tổ chức hoặc ghi đầy đủ họ tên đối với cá nhân.

(5) Ghi Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/mã số doanh nghiệp/giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động đối với tổ chức; số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu đối với cá nhân.

(6) Ghi rõ địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động với tổ chức; địa chỉ thường trú trên chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân.

**Mẫu số 10: Biên bản kiểm tra hiện trường xác định cây rừng chặt tỉa, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.........., ngày......... tháng......... năm.........*

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra hiện trường xác định cây rừng chặt tỉa, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao**

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, được sửa đổi, bổ sung năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ văn bản số ….ngày …. tháng …. năm …. của Tổ chức….(Tên tổ chức quản lý đường điện) đề nghị kiểm tra hiện trường xác định cây rừng phải chặt tỉa, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao (sau đây viết tắt là hành lang bảo vệ an toàn đường điện).

Hôm nay, ngày … tháng …. năm …. tại: lô…...….khoảnh…tiểu khu….khu rừng…. thuộc thôn…xã/phường….. tỉnh…………………………………….

Chúng tôi gồm:

**I. THÀNH PHẦN**

**1. Đại diện Tổ chức, cơ quan quản lý đường điện:**

- Ông (bà) ………………………………; chức vụ: ……………………....

- Ông (bà) ……………………………; chức vụ: …………………………

**2. Đại diện chủ rừng, chủ lâm sản:**

- Ông (bà) …………………………………….……………………………

- Ông (bà) ……………………………………… …………………………

**3. Đại diện cơ quan Kiểm lâm sở tại:**

- Ông (bà):…………………… , chức vụ:…………………………………

- Ông (bà): …………………... , chức vụ:…………………………………

**4. Cơ quan/đơn vị khác có liên quan (nếu có):**

- Ông (bà) …………………………………….……………………………

- Ông (bà) ……………………………………… …………………………

**II. NỘI DUNG**

Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định cây rừng phải chặt tỉa, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện, gồm các nội dung chính sau:

- Loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất

- Nguồn gốc: rừng tự nhiên, rừng trồng

-Loài cây (đối với rừng trồng):………………..năm trồng:……………….

- Số lượng cây rừng phải chặt tỉa, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện:…..cây (thống kê số cây theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã); loài cây (đối với rừng trồng).

**III. KẾT LUẬN, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ**

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

Biên bản gồm…. trang; được lập thành … bản, đã được các thành viên tham gia nhất trí, không có ý kiến khác và kết thúc công tác kiểm tra hiện trường vào hồi ….. giờ …. phút ngày … tháng …. năm …./.

**THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG KÝ TÊN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ RỪNG/****CHỦ LÂM SẢN***(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)* | **TỔ CHỨC, CƠ QUAN****QUẢN LÝ ĐƯỜNG ĐIỆN***(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | **ĐẠI DIỆN CƠ QUAN****KIỂM LÂM SỞ TẠI***(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 11: Quyết định phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường**

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN(1)** ........... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:…/QĐ-… | *...., ngày .... tháng .... năm ....* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt phương án khai thác (2)….**

**THẨM QUYỀN NGƯỜI KÝ**

*Căn cứ(3)…………………………………………………………………………….;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về thanh lý rừng trồng (nếu khai thác tận dụng rừng trồng trên diện tích rừng đã được thanh lý);*

*Căn cứ Quyết định số …… (các quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững nếu có)…...;*

*Căn cứ ...........................................................................................................;*

*Xét đề nghị của ..............................................................................................*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án khai thác chính/tận dụng/tận thu*/*gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ*/*thu thập mẫu vật loài thông thường của……. (tên tổ chức*/*cá nhân)…….với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Địa danh khai thác (lô, khoảnh, tiểu khu, xã…) (4): ……………………..

2. Mã số vùng trồng hoặc số giấy chứng nhận chứng chỉ quản lý rừng bền vững (nếu có) (5):…………………………………………………………………..

3. Diện tích khai thác (thống kê diện tích theo địa danh khai thác) (6):....ha

4. Đối tượng khai thác (7): ……....................................................................

5. Phương thức khai thác (8):…………........................................................

6. Sản lượng dự kiến khai thác (9): gỗ… m3; củi hoặc sản phẩm khác.... m3;

lâm sản khác:........tấn hoặc số lượng cây...

7. Dự kiến hệ thống đường vận xuất, vận chuyển (10) (áp dụng đối với tổ chức):.......................................................................................................................

8. Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng (11):..........................

9. Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác (12):...............................................

10. Thời gian dự kiến khai thác (13): từ ngày……tháng……..năm……... đến……ngày…...tháng…....năm……

11. Các nội dung khác (nếu có): ..................................................................

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của chủ rừng:

2. Trách nhiệm của cơ quan liên quan:

3. …………………………………………………………….................

**Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành**

…..

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3; - ..............................;- Các sở/cơ quan…; - Lưu: VT,… | **CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN NGƯỜI KÝ***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Ghi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

(2) Ghi trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

(3) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác.

(4) Ghi thông tin khu vực khai thác (lô, khoảnh, tiểu khu, xã).

(5) Ghi mã số vùng trồng, ngày cấp hoặc số giấy chứng nhận của chứng chỉ rừng (nếu có).

(6) Ghi diện tích khai thác: thống kê diện tích khai thác theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất); rừng tự nhiên, rừng trồng.

(7) Ghi đối tượng khai thác tại quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này: đối với khai thác rừng trồng ghi loài cây trồng, năm trồng, cơ quan phê duyệt nguồn vốn.

(8) Ghi phương thức khai thác: khai thác chọn, khai thác trắng toàn bộ, khai thác trắng theo băng, khai thác trắng theo đám.

 (9)Ghi sản lượng dự kiến khai thác: đơn vị tính sản lượng khai thác là: m3, ster, kg hoặc số lượng cây, mẫu vật.

(10)Dự kiến hệ thống đường vận xuất, vận chuyển: sử dụng hệ thống đường vận xuất đã có, hay mở mới hay kết hợp hệ thống đường lâm nghiệp khác đã có (đối với chủ rừng là tổ chức).

(11) Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng:nêu rõ các biện pháp như: băm dập cành ngọn sau khai thác.

(12)Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác:nêu rõ các giải pháp thực hiện như: trồng lại rừng, tái sinh rừng.

(13)Ghi thời gian bắt đầu và kết thúc khai thác dự kiến.

***(15)* Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC**

a) Thời hạn giải quyết:

*(i) Trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác:* Không quá 56 giờ (07 ngày làm việc) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

*(ii) Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác:* Không quá 80 giờ (10 ngày làm việc) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình nội bộ, liên thông, điện tử:

- Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC cấp xã (trực tuyến, trực tiếp, BCCI)

*(i) Trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| 1 | Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | Công chứcTTPVHCC cấp xã | 02 giờ |
| 2 | Giải quyết hồ sơ*(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính )* | Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 40 giờ |
| 3 | Ký tắt hồ sơ | Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 04 giờ |
| 4 | Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo UBNDcấp xã | 08 giờ |
| 5 | Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC | Công chức nghiệp vụ văn thư | 02 giờ |
| 6 | Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân | Công chức TTPVHCC | Giờ hành chính |

*(ii) Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác*.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| 1 | Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | Công chứcTTPVHCC cấp xã | 02 giờ |
| 2 | Giải quyết hồ sơ*(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính)* | Công chức Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 60 giờ |
| 3 | Ký tắt hồ sơ | Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã | 08 giờ |
| 4 | Ký duyệt hồ sơ | Lãnh đạo UBNDcấp xã | 08 giờ |
| 5 | Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC | Công chức nghiệp vụ văn thư | 02 giờ |
| 6 | Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân | Công chức TTPVHCC | Giờ hành chính |